

Số: /2024/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ 23 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 25/TTr-STP ngày 08 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 23 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Bãi bỏ toàn bộ 23 Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 18/3/2009 Về việc sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và công tác quản lý đối với cán bộ thú y cơ sở;

2. Quyết định số 55/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 và Điều 4 Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 18/3/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và công tác quản lý đối với cán bộ thú y cơ sở;

3. Quyết định số 70/2010/QĐ-UBND ngày 29/06/2010 Ban hành Quy chế xét công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống và xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề vào phát triển ở nông thôn tỉnh Bắc Giang;

4. Quyết định số 360/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xét, công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống và xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề vào phát triển ở nông thôn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 70/2010/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang;

5. Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 Về việc quy định số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, chế độ chính sách và công tác quản lý đối với cán bộ khuyến nông cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

6. Quyết định số 514/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 Ban hành Quy định chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và miễn, giảm đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục - Lao động Xã hội tỉnh;

7. Quyết định số 90/2012/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 Ban hành Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng tin học diện rộng của UBND tỉnh Bắc Giang;

8. Quyết định số 152/2012/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 Ban hành quy định quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

9. Quyết định số 153/2012/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 Ban hành Quy định một số chế độ và trang thiết bị đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao tỉnh Bắc Giang;

10. Quyết định số 95/2013/QĐ-UBND ngày 01/4/2013 Ban hành Quy chế phối hợp, kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

11. Quyết định số 150/2013/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 Quy định mức thu tiền nước đối với tổ chức cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

12. Quyết định số 639/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 Sửa đổi Khoản 1, Điều 1 Quyết định 150/2013/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

13. Quyết định số 375/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 Ban hành Quy định về công tác lễ tân trong việc đón, tiếp khách nước ngoài đến thăm, làm việc và tham dự các hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

14. Quyết định số 495/2014/QĐ-UBND ngày 01/8/ 2014 Ban hành Quy định tiêu chí phân nhóm xã, thôn theo mức độ khó khăn và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

15. Quyết định số 195/2015/QĐUBND ngày 12/5/2015 Ban hành quy định quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang;

16. Quyết định số 337/2015/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 Quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

17. Quyết định số 178/2016/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 Ban hành Quy chế tổ chức xét, tôn vinh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bắc Giang;

18. Quyết định số 748/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 Quy định chế độ đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động và thành viên Đội nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

19. Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 Ban hành Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

20. Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 Quy định các khoản đóng góp chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị, phục hồi chức năng đối với người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí tự nguyện tại Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Bắc Giang;

21. Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 Quy định tiêu chí ưu tiên xét duyệt đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

22. Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

23. Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

2. Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ: LĐ-TB&XH, Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại vụ, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Pháp chế và CCHCTP, Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các tổ chức hội doanh nghiệp, hợp tác xã;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, TTTT;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn